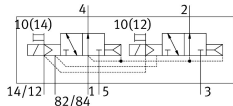
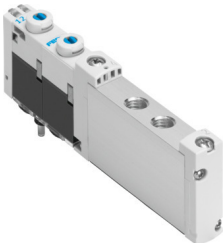


# Van điện từ

## VUVG-S10-T32U-AZT-M7-1T1L

Số bộ phận: 573399

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                               |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 2x3/2 mở ổn định đơn                  |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                  |
| Kích thước van                                             | 10 mm                                 |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 160 l/ph                              |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | M7                                    |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                |
| Áp suất vận hành                                           | 0.15 MPA...1 MPA<br>1.5 bar...10 bar  |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                  |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                         |
| Giấy phép                                                  | c UL us - Recognized (OL)             |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65<br>IP67                          |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                      |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét                          |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                      |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                             |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                       |
| Hiện thị trạng thái tín hiệu                               | Đèn LED                               |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.15 MPA...0.8 MPA<br>1.5 bar...8 bar |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 3 Hz                                  |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 20 ms                                 |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 8 ms                                  |
| Thời gian bật                                              | 100%                                  |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 1600 µs                               |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu                   | 3000 µs                               |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 22 V DC: 1,0 W                        |
| Dao động điện áp cho phép                                  | +/- 10 %                              |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                              |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                   | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                             | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                               |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Nhiệt độ trung bình                   | -5 °C...60 °C                                                                        |
| Môi chất kiểm soát                    | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...60 °C                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                  | 59 g                                                                                 |
| Cổng nối điện                         | qua tấm kết nối                                                                      |
| Kiểu gắn                              | Trên ray gắn van cụm                                                                 |
| Cổng nối khí nén 2                    | M7                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 4                    | M7                                                                                   |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                     | HNBR<br>NBR                                                                          |
| Vật liệu vỏ                           | Hợp kim nhôm rèn                                                                     |